

được: cái được phản ánh tồn tại không lệ thuộc vào cái phản ánh (thế giới bên ngoài tồn tại không lệ thuộc vào ý thức), đó là tiền đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật.

V. I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 157 — 158.

Như vậy, trong *bất cứ* mệnh đề nào, người ta cũng có thể (và phải) tìm ra giống như trong một « cái ngăn tổ ong » (« tế bào ») những mầm mống của *tất cả* những nhân tố của phép biện chứng, do đó vạch ra rằng phép biện chứng là cái cố hữu của mọi nhận thức của con người nói chung. Các khoa học tự nhiên chỉ cho chúng ta (và đó là cái cần phải vạch rõ một lần nữa bằng *bất cứ* thí dụ rất đơn giản nào) giới tự nhiên khách quan với cùng những tính chất như vậy của nó, sự chuyển hóa từ cái riêng thành cái chung, từ ngẫu nhiên thành tất nhiên, những chuyển hóa, những chuyển hoán, mối liên hệ lẫn nhau của các mặt đối lập.

V. I. Lênin, *Bút ký triết học*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 384.

Tính thống nhất của thế giới không phải là ở sự Tồn tại của nó, mặc dù Tồn tại là tiền đề của thống nhất, vì trước tiên thế giới phải *tồn tại* đã rồi sau mới có thể *thống nhất*. Ngoài cái phạm vi nhìn thấy của chúng ta ra thì Tồn tại, rốt cuộc, vẫn là một vấn đề còn phải giải quyết. Tính thống nhất chân chính của thế giới là ở tính vật chất của nó, tính vật chất ấy được chứng minh không phải bằng vài ba lời lẽ khéo léo của kẻ làm trò ảo thuật, mà do một sự phát triển lâu dài và cần cù của triết học và khoa học tự nhiên.

F. Engen, *Chống Duyrinh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 74.

Vật lý học mới đã đặt ra hàng loạt những vấn đề mới mà chủ nghĩa duy vật biện chứng cần phải « dàn xếp »¹ với chúng.

V. I. Lênin, *Những kẻ thủ tiêu của chúng ta. Toàn tập*, tập 17, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 4, tr. 54.

Có thể rằng sự tiến bộ của khoa học lý luận về tự nhiên sẽ làm cho đại bộ phận hoặc toàn bộ tác phẩm của tôi trở thành vô dụng. Vì chỉ một sự cần thiết phải sắp xếp có hệ thống các phát hiện thuần túy kinh nghiệm đã tích lũy được rất nhiều, cũng buộc phải đưa đến cuộc cách mạng trong khoa học lý luận về tự nhiên, khiến cho nhà kinh nghiệm chủ nghĩa ngoan cố nhất cũng phải ngày càng nhận thức được tính chất biện chứng của các quá trình tự nhiên.

F. Engen, *Chống Duyrinh* (Lời tựa...), Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 19.

Khoa học tự nhiên thừa nhận *một cách không tự giác* rằng học thuyết của nó phản ánh thực tại khách quan, và *chỉ có* một triết học như vậy mới tương dung được với khoa học tự nhiên!...

V. I. Lê-nin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 386.

1. Dịch từ chữ « слагать » (Người soạn).

III

VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1. TRIẾT HỌC DUY VẬT VÀ BIỆN CHỨNG VÓN LÀ CƠ SỞ PHƯƠNG PHÁP LUẬN CỦA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

a) Trên cơ sở những tư tưởng duy vật và biện chứng, triết học đã có những dự kiến thiên tài đi trước khoa học tự nhiên trên nhiều lĩnh vực và dành cho khoa học tự nhiên nhiệm vụ chứng minh về chi tiết.

Trong nửa đầu thế kỷ XVIII, khoa học tự nhiên hơn thời kỳ cổ Hy-lạp bao nhiêu về mặt khối lượng kiến thức và ngay cả về mặt phân loại các tài liệu, thì nó lại kém thời kỳ đó bấy nhiêu về mặt vận dụng tư tưởng để làm chủ lấy các tài liệu đó, về mặt quan niệm một cách tổng quát giới tự nhiên. Đối với các nhà triết học Hy-lạp thì về thực chất, thế giới là một cái gì đã sinh ra từ trạng thái hỗn độn, đã phát triển, và đã là kết quả của một quá trình hình thành. Đối với những nhà thông thái của cái thời kỳ mà chúng ta đang bàn tới, thế giới là một cái gì cứng nhắc, không thay đổi: đối với đa số các nhà thông thái đó thì thế giới là một cái gì được tạo ra tất cả trong một lúc. Khoa học còn bị chôn chân trong thần học. Ở khắp mọi nơi, nó đi tìm và thấy một sự thúc đẩy từ bên ngoài làm cái nguyên lý cuối cùng, một sự thúc đẩy mà nếu xuất

phát từ bản thân tự nhiên thì không thể giải thích được. Ngay cả khi người ta coi cái sức hút mà Niuton trình trọng gọi là sự hấp dẫn của vạn vật, là một tính chất chủ yếu của vật chất, thì cái lực tiếp tuyến chưa giải thích được, tức cái lực lần đầu tiên đẩy cho các hành tinh chuyển động theo các đường quỹ đạo của chúng, là do đâu mà có? Hằng hà sa số các loại thực vật và động vật đã xuất hiện như thế nào? Và nhất là con người — con người mà người ta đã xác minh là không phải xưa nay vẫn tồn tại, — đã xuất hiện như thế nào? Đối với những câu hỏi như thế, thường là khoa học tự nhiên trước kia chỉ giải đáp bằng cách nói rằng đó là trách nhiệm của Đấng tạo hóa tạo ra mọi sự vật. Cópécnic đã nỡ đầu thời kỳ đó bằng một bức thư đoạn tuyệt với thần học; Niuton thì kết thúc thời kỳ đó bằng cái định đề về sự thúc đẩy ban đầu của Chúa. Tư tưởng tổng quát cao nhất mà khoa học tự nhiên đạt được là tư tưởng cho rằng những sự sắp xếp trong tự nhiên là có mục đích cả, đó là mục đích luận tâm thường của Vônphơ, theo đó thì mèo sinh ra là để ăn chuột, chuột sinh ra là để bị mèo ăn, và toàn bộ tự nhiên được tạo ra để chứng minh trí tuệ của Đấng tạo hóa. Thật là một vinh dự lớn cho triết học thời bấy giờ, vì nó không bị tình trạng có hạn của những kiến thức thời bấy giờ về tự nhiên đưa vào con đường lầm lẫn, mà trái lại nó vẫn kiên trì, — kể từ Xpinôda đến các nhà đại triết học duy vật Pháp — xuất phát từ bản thân thế giới để giải thích thế giới và dành cho khoa học tự nhiên sau này cái nhiệm vụ là chứng minh về chi tiết.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 45 — 46.

... Không thể tưởng tượng được vật chất mà không có vận động. Và nếu vật chất đối diện với chúng ta, như một cái gì đã có sẵn, một cái gì không thể sáng tạo, cũng không thể

tiêu diệt được, thì do đó có thể kết luận rằng bản thân sự vận động cũng không thể sáng tạo và tiêu diệt được. Một khi người ta đã nhận thức rằng vũ trụ là một hệ thống, một tổng thể gồm các vật thể khít khít với nhau thì kết luận ấy trở thành một sự dĩ nhiên. Vì triết học đã đi đến nhận thức ấy rất lâu trước khi nó được khoa học tự nhiên công nhận, cho nên người ta cũng hiểu vì sao, hàng hai trăm năm trước khi có ngành khoa học tự nhiên, triết học đã kết luận rằng không có thể sáng tạo hoặc tiêu diệt sự vận động. Ngay cả đến hình thức kết luận của triết học vẫn luôn luôn cao hơn lối kết luận của khoa học tự nhiên ngày nay về vấn đề ấy.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 117 — 118.

Có những luận đề triết học đã được xác định từ mấy thế kỷ nay và thường thường đã bị vứt bỏ từ lâu về mặt triết học, nhưng ngày nay có những nhà khoa học tự nhiên nghiên cứu lý luận thường thường lại đưa nó ra, coi như đó là một chân lý hoàn toàn mới và thậm chí người ta lại thấy những luận đề đó trong một thời gian vẫn còn hợp thời trang. Tất nhiên, quả là một thành tích lớn của lý thuyết cơ học về nhiệt khi nó đưa ra nhiều bằng chứng mới để xác minh nguyên lý bảo tồn năng lượng và đưa nguyên lý này lên hàng đầu; nhưng nếu các ngài vật lý học nhớ lại rằng nguyên lý này đã được Đécácơ đưa ra từ lúc nào rồi, thì hỏi nguyên lý ấy có hoàn toàn mới nữa không? Từ khi vật lý học và hóa học lại bắt đầu vận dụng một cách hầu như tuyệt đối những phân tử và nguyên tử thì tất nhiên là triết học nguyên tử của thời cổ Hy-lạp lại được đưa lên hàng đầu. Nhưng kể cả những nhà khoa học tự nhiên xuất sắc nhất, họ đã nghiên cứu triết học đó một cách hời hợt biết chừng nào! Ti dụ như Kêculê kể lại rằng... triết học đó là của Đêmoócýt (đáng lẽ phải nói là

của Loxípô) và ông khẳng định rằng Đanton là người đầu tiên đã thừa nhận sự tồn tại của những nguyên tử cơ bản khác nhau về chất lượng, là người đầu tiên đã xác định rằng những nguyên tử đó có những trọng lượng khác nhau, trọng lượng đó là đặc điểm của mỗi nguyên tử. Nhưng theo Điojiên Laêctơ..., người ta biết rằng Êpiquya đã xác nhận rằng những nguyên tử không những khác nhau về khối lượng và hình thái, mà còn khác nhau về *trọng lượng*, như thế là Êpiquya đã biết, theo kiểu của ông, trọng lượng nguyên tử và thể tích nguyên tử.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, C.Mác và F. Engen, *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 20, tr. 367-368.

Tính chất không thể tiêu diệt được của vận động đã được nêu lên trong luận thuyết của Đécácơ, theo luận thuyết này thì *trong vũ trụ số lượng vận động được bảo tồn không thay đổi*. Những nhà khoa học tự nhiên khi nói tới « tính chất không thể tiêu diệt được của lực », đã diễn đạt tư tưởng đó một cách không đầy đủ. Cách diễn tả thuần túy về lượng của Đécácơ cũng không đầy đủ: sự vận động với tính cách là vận động, là biểu hiện căn bản, là hình thái tồn tại của vật chất, cũng không thể tiêu diệt được như bản thân của vật chất, và cách diễn đạt đó đã bao hàm cả khía cạnh số lượng của sự vật. Như thế là, ở đây cũng vậy, nhà khoa học tự nhiên hai trăm năm sau mới chứng thực lý luận của nhà triết học.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật; Hà-nội, 1963, tr. 394.

Cần chỉ ra rằng học thuyết của Đácuy-n là sự chứng minh thực tiễn của khái niệm của Hêgen về sự liên hệ nội tại giữa tính tất yếu và tính ngẫu nhiên.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 503.

Lý thuyết khoa học tự nhiên hiện đại về sự tương tác của các lực của tự nhiên (Grô-vơ — *Sự tương quan của các lực*. Cuốn sách này, nếu tôi không lầm, đã xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1838) chỉ là một cách diễn đạt khác hay, nói đúng hơn, chỉ là một sự chứng minh tích cực cho tính đúng đắn của những tư tưởng đã được Hêgen phát triển về nguyên nhân, tác dụng, tương tác, lực, v.v.

F. Engen, Thư gửi F. A. Langhe ngày 29-3-1865. C. Mác và F. Engen, *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 31, tr. 395.

Khoa học tự nhiên cận đại đã phải mượn của triết học nguyên lý: vận động là bất diệt, không có nguyên lý này thì khoa học không thể tồn tại được nữa. Nhưng vận động của vật chất không phải chỉ là sự vận động cơ giới thô sơ, một sự đổi chỗ đơn giản; nó là nhiệt và ánh sáng, là điện và từ, là sự hóa hợp và phân hóa hóa học, là sự sống và cuối cùng là ý thức.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 64.

Trong trường hợp của Ôken... đã lộ rõ sự vô nghĩa bắt nguồn từ nhị nguyên luận giữa khoa học tự nhiên và triết học. Bằng con đường của tư duy, Ôken đã phát hiện ra nguyên sinh chất và tế bào, nhưng không ai có ý nghĩ tiếp tục nghiên

cứu vấn đề ấy bằng con đường của khoa học tự nhiên. *Tư duy* phải giải quyết vấn đề ấy! Thế mà khi nguyên sinh chất và tế bào được khám phá ra, thì mọi người đều quay lưng lại Ôken!

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 326.

Lực hút và hấp dẫn. Toàn bộ thuyết hấp dẫn dựa trên sự khẳng định rằng lực hút là bản chất của vật chất. Điều đó dĩ nhiên là sai. Phần nơi nào có lực hút thì lực hút đó phải được bổ sung bằng lực đẩy. Chính vì thế mà Hêgen đã nhận xét một cách rất đúng đắn rằng bản chất của vật chất là lực hút và lực đẩy. Quả vậy, chúng ta ngày càng bắt buộc phải thừa nhận rằng sự phân tán của vật chất có một giới hạn tại đó lực hút biến thành lực đẩy, và ngược lại, sự ngưng kết của vật chất bởi một lực đẩy cũng có một giới hạn tại đó — lực đẩy sẽ biến thành lực hút.

*
**

Ở Hêgen thì việc lực hút biến thành lực đẩy, và ngược lại, lực đẩy biến thành lực hút là một điều thần bí, nhưng, thực ra, ông đã tiên đoán những sự phát minh sau này của khoa học tự nhiên. Ngay trong chất hơi đã có sự đẩy của các phân tử, thì trong vật chất phân tán nhỏ hơn, tỷ dụ như trong đuôi sao chổi lại càng có sự đẩy, sự đẩy này thậm chí tác động với một sức rất lớn. Hêgen cũng là một nhà thiên tài ngay cả khi ông lập luận rằng lực hút là nhân tố thứ hai, do lực đẩy là nhân tố thứ nhất sinh ra: một thái dương hệ sơ dĩ hình thành được chẳng qua là vì lực hút lẫn lẫn thắng lực đẩy là lực chiếm ưu thế lúc ban đầu. Nở ra vì nóng = lực đẩy. Thuyết động học của chất khí.

*
**

Tính chất có thể phân chia được của vật chất. Đối với khoa học đó là một vấn đề không quan hệ gì về mặt thực tiễn. Chúng ta biết rằng, trong hóa học, tính có thể phân chia có một giới hạn nhất định, vượt quá giới hạn đó, vật thể không thể có tác động hóa học nữa: giới hạn đó là nguyên tử; và nhiều nguyên tử bao giờ cũng kết hợp thành phân tử. Cũng như trong vật lý học, chúng ta không thể không thừa nhận rằng, đối với sự khảo sát vật lý, có những hạt nhỏ nhất nào đó và cách sắp xếp của những hạt đó quyết định hình thái và sự cố kết của các vật thể, và chấn động của những hạt đó biểu hiện thành nhiệt, v.v. Nhưng phân tử vật lý và phân tử hóa học giống nhau hay khác nhau, cho tới nay chúng ta không biết gì về điều đó. — Hêgên đã giải quyết vấn đề tính có thể phân chia ấy một cách dễ dàng, và nói rằng vật chất vừa là cái nọ vừa là cái kia, vừa là có thể phân chia vừa liên tục và đồng thời lại không phải cái nọ cũng không phải cái kia, đó không phải là một câu trả lời, nhưng ngày nay hầu như điều đó đã được xác minh...

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 391 — 393.

Hiển nhiên là đối với tôi, học lại toàn bộ môn toán học và khoa học tự nhiên như vậy là để tự mình xác nhận về chi tiết cái chân lý — mà về đại thể thì lúc đó tôi không hoài nghi chút nào cả —, chân lý đó là: những quy luật biện chứng của sự vận động chỉ phối sự ngẫu nhiên bề ngoài của các sự kiện trong lịch sử, cũng tác động trong giới tự nhiên xuyên qua vô số biến đổi hỗn tạp; những quy luật ấy cũng là sợi dây hướng dẫn lịch sử phát triển của tư tưởng loài người và dần dần được tự duy của con người nhận thức.

F. Engen, *Chống Duyrinh*, Lời tựa cho ba lần xuất bản. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 16-17.

Những nhà bác học, khi thấy những thành tựu của triết học trong khoa học tự nhiên, đáng nhẽ phải thấy rằng, trong toàn bộ triết học ấy, có cái gì đó vượt hẳn họ ngay trong lĩnh vực chuyên môn của họ.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 321.

b) Về chủ nghĩa duy vật tự phát của khoa học tự nhiên.

— Các khoa học tự nhiên ngay từ đầu đã được xây dựng trên cơ sở nhận thức luận duy vật, nhưng đó mới là chủ nghĩa duy vật tự phát, tức là một lòng tin tự phát, không có ý thức về mặt triết học của tuyệt đại đa số các nhà khoa học tự nhiên đối với thực tại khách quan của thế giới bên ngoài do ý thức ta phản ánh...

... Các khoa học tự nhiên đã được xây dựng lên, trước kia cũng như bây giờ (và thường là không tự giác), trên cơ sở... nhận thức luận duy vật.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 20—21.

Khoa học tự nhiên thừa nhận một cách không tự giác rằng học thuyết của nó phản ánh thực tại khách quan.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 386.

Tất cả các vị thầy của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán đều nhất trí chống lại cái «siêu hình học», không những của

chủ nghĩa duy vật triết học công khai và tự giác, mà cả của khoa học tự nhiên nữa, vì khoa học tự nhiên đã tự phát đi theo quan điểm nhận thức luận duy vật.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 438.

Không có một kẻ nội tại luận nào mà lại không xâu bót mép lên công kích « siêu hình học » của khoa học tự nhiên và công kích « chủ nghĩa duy vật » của các nhà khoa học tự nhiên, đó **chính là** vì các nhà khoa học tự nhiên đều **thừa nhận** tính thực tại khách quan của vật chất (và của những mảnh li ti của nó), của thời gian, không gian, quy luật tự nhiên, v.v. và v.v.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 487.

Ông¹ dùng quan điểm khoa học tự nhiên để **chế giễu tất cả mọi** mảnh khốe tinh vi theo lối duy tâm, hay nói cho đúng hơn, tất cả những mảnh khốe tinh vi đặc biệt về triết học, ông ta **thậm chí cũng** hoàn toàn không thừa nhận cái quan niệm cho rằng, ngoài nhận thức luận của **chủ nghĩa duy vật của khoa học tự nhiên**, còn có thể có một thứ nhận thức luận khác nữa. Ông lấy quan điểm của người duy vật để chế giễu các nhà triết học mà không thấy rằng chính mình đã đứng trên quan điểm duy vật rồi đấy!

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 494.

1. E. Hécken (Người soạn).

Cái đặc sắc nhất trong tấn bi hài kịch ấy¹ là ở chỗ, chính ngay Hécken cũng **đã từ bỏ chủ nghĩa duy vật** và đã cự tuyệt cái danh hiệu là nhà duy vật. Hơn thế nữa : ông không hề từ bỏ bất cứ tôn giáo nào, và còn tưởng tượng ra cái tôn giáo của riêng mình..., và ông bênh vực, **trên nguyên tắc**, cho sự liên minh giữa tôn giáo và khoa học! Vậy thì vấn đề là ở chỗ nào?...

Vấn đề là ở chỗ : E. Hécken có tính chất ngây thơ trong triết học. Ông ta không có mục đích đảng phái rõ rệt, ông ta muốn coi trọng những thiên kiến đang lưu hành của bọn philixtanh chống lại chủ nghĩa duy vật, ông ta có những khuynh hướng muốn thỏa hiệp với tôn giáo và đưa ra những đề nghị có liên quan đến tôn giáo, tất cả những điều đó chẳng qua chỉ làm nổi bật thêm cái **tinh thần chung** của quyền sách của ông, cái **tinh chất không thể phá hủy** nổi của chủ nghĩa duy vật của khoa học tự nhiên và **tinh chất không thể điều hòa** của nó với **tất cả** triết học và thần học của các giáo sư nhà nước. Dù về phần mình, Hécken không muốn đoạn tuyệt với bọn philixtanh chẳng nữa, nhưng cái kiến giải mà ông ta trình bày với một lòng tin ngây thơ và cũng không thể nào lay chuyển nổi, thì **tuyệt đối** không thể điều hòa được với bất cứ một dòng phái nào của chủ nghĩa duy tâm triết học hiện đang lưu hành. Tất cả mọi thứ chủ nghĩa duy tâm đủ các màu sắc đó,... **tất cả** đều nhất trí cho rằng chủ nghĩa duy vật của khoa học tự nhiên, đối với chúng, là « siêu hình học » và cho rằng thừa nhận chân lý khách quan của lý luận và kết luận khoa học tự nhiên như thế là theo « thuyết thực tại ngây thơ » nhất, v.v.; và mỗi trang sách của Hécken đều là một cái **tát**

1. Nhân tố bi kịch sở dĩ đã được đưa vào là vì có sự mưu sát Hécken xảy ra hồi mùa xuân năm nay (1908). Nhà khoa học tự nhiên ấy đã nhận được nhiều bức thư nặc danh, trong đó ông ta bị người ta gọi là « đồ chó », « đồ vô đạo », « đồ khỉ », v.v. Ở Iêna, có một « người Đức chính cống » đã ném vào phòng làm việc của ông một hòn đá khá to. (*Chủ thích của Lênin*)

vào mặt cái học thuyết « thần thánh » của *hết thấy* mọi thứ triết học và thần học nhà giáo. Nhà khoa học tự nhiên ấy bày tỏ được một cách chắc chắn những ý kiến, những tâm tình và những khuynh hướng bền vững nhất, tuy là chưa thành hình đầy đủ, của phần đông các nhà khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, thì cũng vạch ra được ngay và dễ dàng, đơn giản điều mà triết học nhà giáo đã cố tìm cách che giấu không cho công chúng thấy và cũng cố tự che giấu với mình nữa, tức là: hiện nay có một nền tảng ngày càng rộng lớn và vững mạnh khiến cho muôn vạn học phái của chủ nghĩa duy tâm triết học, của thuyết thực chứng, của thuyết thực tại, của chủ nghĩa phê phán kinh nghiệm và của hết thấy mọi thuyết hồ đồ khác hễ cứ ra sức húc vào nền tảng là sẽ bị tan vỡ. Nền tảng đó là *chủ nghĩa duy vật của khoa học tự nhiên*. Những « người thực tại ngây thơ » (tức là toàn thể nhân loại) tin rằng cảm giác của ta là hình ảnh của thế giới khách quan bên ngoài có thực, niềm tin ấy cũng là niềm tin không ngừng lớn mạnh, không ngừng được củng cố của đông đảo các nhà khoa học tự nhiên...

.....

Dù cho khoa học tự nhiên có nhiều sự dao động và mờ mẫm, dù cho chủ nghĩa duy vật của các khoa học tự nhiên có tính không tự giác, dù cho hôm qua có say mê « chủ nghĩa duy tâm sinh lý học » đang thịnh hành hoặc hôm nay họ có say mê « chủ nghĩa duy tâm vật lý học » đang thịnh hành, thì quá trình phát triển của khoa học tự nhiên cũng vẫn cứ *quét sạch* hết thấy mọi hệ thống nhỏ bé và mọi mảnh khoe xảo quyệt, rồi hết lần này đến lần khác, quá trình đó sẽ làm cho « siêu hình học » của *chủ nghĩa duy vật của các khoa học tự nhiên* nổi bật lên hàng đầu.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 490-493.

... Bài tựa triết học mà Hécđơ¹ viết cho quyển *Cơ học* của ông biểu lộ cái cách nhìn thông thường của một nhà khoa học tự nhiên sợ sệt trước những tiếng la ó của các giáo sư phản đối « siêu hình học » duy vật chủ nghĩa, nhưng không làm sao khắc phục được lòng tin tự phát của mình vào tính thực tại của thế giới bên ngoài.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 395.

... Timiriadép đã phải đặc biệt nói rào đón trước rằng học thuyết Enxtanh đã được một số rất đông đại biểu trí thức tư sản tất cả các nước chấp lấy, tuy rằng bản thân Enxtanh, theo như lời Timiriadép, không hề tích cực tuyên truyền chống các nguyên lý của chủ nghĩa duy vật; điều đó cũng đúng không những đối với Enxtanh mà cả đối với nhiều người khác, nếu không phải là đối với đa số các nhà cải cách vĩ đại của các ngành khoa học tự nhiên, từ cuối thế kỷ XIX.

V.I. Lênin, *Về tác dụng của chủ nghĩa duy vật chiến đấu. Toàn tập*, tập 33, Hà-nội, 1970, tr. 345.

Sự khẳng định cho rằng chúng ta không có năng lực nhận thức được vật tự nó (Hêgen, *Bách khoa toàn thư*, §44), một là, thoát ra khỏi lĩnh vực của khoa học và chuyển vào lĩnh vực của ảo tưởng. Hai là, nó hoàn toàn không mang lại gì thêm cho tri thức khoa học của chúng ta, vì rằng nếu chúng ta không có khả năng nghiên cứu các sự vật, thì chúng không tồn tại đối với chúng ta. Và ba là, sự khẳng định ấy chỉ là một câu rỗng tuếch và không bao giờ có thể áp dụng được trong thực tế. Xét nó một cách trừu tượng, thì nó có vẻ là khúc

1. Hécđơ (Hertz, Henrich), nhà vật lý học Đức. (Người soạn)

chiết, dễ hiểu. Nhưng ta hãy thử mang áp dụng nó xem. Chúng ta sẽ nghĩ gì về một nhà động vật học, nếu ông ta nói rằng: « Con chó có vẻ có bốn chân, nhưng chúng ta không biết thực ra nó có bốn triệu cái chân hay chẳng có cái nào? » Chúng ta sẽ nghĩ gì về nhà toán học, nếu ông ta bắt đầu bằng định nghĩa hình tam giác là một hình có ba cạnh, rồi sau đó lại tuyên bố rằng, không biết có phải hình tam giác ấy có 25 cạnh không? 2×2 có lẽ là 4? Nhưng các nhà bác học thường tránh áp dụng vào trong khoa học tự nhiên câu « vật tự nó », và chỉ cho phép mình làm việc đó khi nào họ đi vào lĩnh vực của triết học. Đó là bằng chứng tốt nhất nói lên rằng họ ít chú ý đến cái « vật tự nó » ấy như thế nào, và bản thân nó cũng ít có giá trị như thế nào. Nếu như họ thật sự chú trọng đến nó thì, nói chung, *à quoi bon*¹, nghiên cứu cái này cái nọ?

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật; Hà-nội, 1963, tr. 386—387.

Toàn thể chủ nghĩa Makhơ đều kịch liệt công kích « siêu hình học » của khoa học — họ dùng danh từ này để gọi *chủ nghĩa duy vật của khoa học tự nhiên*, tức là... lòng tin tự phát, không tự giác, lơ mơ và không có ý thức về mặt triết học, của tuyệt đại đa số các nhà khoa học tự nhiên đối với thực tại khách quan của thế giới bên ngoài do ý thức ta phản ánh.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 485.

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản có nghĩa là: để làm gì.

Ngay từ tác phẩm đầu tiên của ông¹: *Triết học, khái niệm về thế giới theo nguyên tắc ít tốn công sức nhất*, xuất bản năm 1876, ông ta đã công kích siêu hình học của khoa học tự nhiên, nghĩa là công kích chủ nghĩa duy vật của khoa học tự nhiên, và chính như ông ta đã thú nhận hồi 1891 (nhưng lại không « sửa chữa » quan điểm của mình!), ông đã đứng trên quan điểm lý luận duy tâm về nhận thức mà công kích như vậy.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật; Hà-nội, 1960, tr. 486.

... Hai người kia² đã tuyên chiến với cái « siêu hình học của khoa học tự nhiên », tức là cái tên họ đã gán cho cái lý luận duy vật tự phát về nhận thức, mà đại đa số các nhà khoa học tự nhiên đã theo (chính họ đã thú nhận điều đó và tất cả những người nào đã hiểu biết ít nhiều về vấn đề này cũng đều nhận định như vậy).

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 443.

Năm 1900, ông² tuyên bố rằng: « Các khoa học tự nhiên đều hoàn toàn (ganz und gar) nhiễm phải siêu hình học ».

V. I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật; Hà-nội, 1960, tr. 486.

1. Avênariuxơ (Avenarius, Richard) (1848 — 1896) — nhà triết học duy tâm phản động người Đức. (Người soạn)

2. Makhơ và Avênariuxơ. (Người soạn)

3. Petdôn (Petzoldt, Joseph) — một người tích cực tuyên truyền cho chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán. (Người soạn)

... Ông ta¹ cho rằng « tư duy của óc » là « *bái vật giáo của khoa học tự nhiên* » (*Khái niệm của con người về thế giới*, xuất bản lần thứ hai, bản tiếng Đức, tr. 70). Như vậy là Avênariuxơ thấy rất rõ sự mâu thuẫn hoàn toàn ở điểm ấy giữa ông ta và khoa học tự nhiên. Ông ta cũng thừa nhận như Makhơ và tất cả những người nội tại, rằng khoa học tự nhiên dựa trên quan điểm duy vật tự phát không tự giác.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 106.

Từ 1872, và ngay cả từ trước nữa, đến năm 1906, ông² không ngừng công kích siêu hình học của khoa học tự nhiên ; và ông đã rất thành thực thừa nhận rằng, đi theo ông ta thì « có rất nhiều nhà triết học » (kể cả những người theo thuyết nội tại), nhưng chỉ có « rất ít nhà khoa học tự nhiên mà thôi ».... Năm 1906, Makhơ thành thật thừa nhận rằng « phần đông các nhà khoa học tự nhiên đều chủ trương theo chủ nghĩa duy vật ».

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 486.

— Vì vậy, nhiều nhà bác học trong lĩnh vực khoa học của mình đều là những người duy vật vững vàng, nhưng bên ngoài lĩnh vực ấy thì họ có thể là những người duy tâm, bất khả tri, và thậm chí có thể là những tín đồ chính thống và ngoan đạo nữa.

1. Avênariuxơ. (Người soạn)

2. Makhơ (Mach Ernst) — nhà vật lý học, nhà triết học duy tâm người Áo. (Người soạn)

... Nhiều nhà bác học, trong lĩnh vực khoa học của họ thì là những nhà duy vật vững vàng, nhưng bên ngoài lĩnh vực ấy thì họ không chỉ là những người duy tâm, mà thậm chí còn là những tín đồ chính thống và ngoan đạo của đạo Thiên chúa.

F. Eugen, *Phép biện chứng của tự nhiên*. Nhà xuất bản Sự thật; Hà-nội, 1963, tr. 312.

Hemhônơ là một người rất vĩ đại về mặt khoa học tự nhiên, nhưng về mặt triết học ông cũng không triệt để như tuyệt đại đa số các nhà khoa học tự nhiên. Ông ta ngả về chủ nghĩa Cantơ, nhưng tuy vậy, ngay trong nhận thức luận của ông, ông cũng tỏ ra không triệt để giữ quan điểm đó nữa.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 322.

Lútviích Bôntoxơman, mất năm 1906, là một trong những nhà vật lý học Đức đã đấu tranh chống phái Makhơ một cách có hệ thống... Bôntoxơman sợ không dám tự xưng là người duy vật và thậm chí còn đặc biệt thanh minh rằng ông không hề phản đối sự tồn tại của Thượng đế. Nhưng lý luận về nhận thức của ông căn bản là có tính chất duy vật ; đúng như nhà viết lịch sử khoa học tự nhiên thế kỷ XIX, S. Guynthe đã thừa nhận, lý luận ấy biểu hiện ý kiến của đa số các nhà khoa học tự nhiên.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 399—400.

Tư tưởng của ông¹ tóm tắt lại là : lý luận vật lý học là một sự rập theo (ngay càng chính xác) thực tại khách quan. Thế giới là vật chất đang vận động mà chúng ta hiểu biết được ngày càng sâu hơn. Những điểm không chính xác của triết học Ruýchke bắt nguồn từ chỗ bênh vực một cách hoàn toàn không cần thiết lý luận « cơ học » (tại sao lại không phải là lý luận điện từ?) về vận động của ête, và từ chỗ không hiểu mối quan hệ giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối. Các nhà vật lý học này chỉ thiếu một điều là chưa hiểu biết chủ nghĩa duy vật *biện chứng*...

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 385.

Bọn giáo sư đó đều có khả năng viết được những tác phẩm có giá trị rất lớn trong các lĩnh vực chuyên môn như hóa học, sử học và vật lý học, nhưng khi nói đến vấn đề triết học, thì *không có lấy một lời nào của bất cứ một người nào trong bọn họ là có thể tin được cả*.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 479-480.

Khoa học tự nhiên coi sự chuyển hóa của năng lượng là một quá trình khách quan độc lập đối với ý thức con người và đối với kinh nghiệm của nhân loại ; nói một cách khác, là coi theo phương pháp duy vật. Bản thân Ôxvanđơ, trong

1. A.W. Ruýchke — nhà vật lý học người Anh. (Người soạn)

nhiều trường hợp và chắc là trong tuyệt đại đa số các trường hợp, cũng hiểu năng lượng là vận động *vật chất*.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 378.

... Khi hần (người theo thuyết bất khả tri — *Người soạn*) là một nhà khoa học, khi hần *biết* một cái gì đó, thì hần là duy vật ; nhưng ngoài khoa học của hần ra, trong những lĩnh vực mà hần không biết tí gì, thì hần lại biểu hiện cái dốt của hần bằng tiếng Hy-lạp và gọi đó là *thuyết bất khả tri*.

Mác — Engen, *Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học* (Lời tựa riêng cho lần xuất bản tiếng Anh, 1892, *Tuyển tập*, t.2, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1971, tr. 12.

Đây lại một ví dụ khác nữa : « Thề khí hoàn toàn (thề khí lý tưởng, vollkommenes), thề lỏng hoàn toàn, vật hoàn toàn co giãn được đều là những cái không có cả ; nhà vật lý học biết rằng những giả thuyết của mình chỉ phù hợp gần đúng với sự thật, rằng những giả thuyết ấy đã đơn giản hóa sự thật một cách tùy tiện ; nhà vật lý học biết sự sai biệt không thề nào tránh được » (tr. 418, § 30)¹.

Đây là nói sự sai biệt (Abweichung) nào ? Sự sai biệt của cái gì đối với cái gì ? Đó là sự sai biệt giữa tư tưởng (lý luận vật lý học) với sự thật. Vậy tư tưởng, quan niệm là gì ? Quan niệm là « dấu vết của cảm giác » (tr.9)². Sự thật là gì ? Sự thật là những « phức hợp cảm giác » ; như vậy thấy rằng sự sai biệt giữa

1, 2. Lời của Makhơ trong cuốn *Nhận thức và sai lầm*, xuất bản lần thứ hai, 1906, do Lênin trích dẫn lại. (Người soạn)

dấu vết của cảm giác và những phức hợp cảm giác, là điều không thể tránh được.

Như thế có nghĩa là gì? Có nghĩa là Makhor khi xử lý các vấn đề vật lý học, đã *quên hẳn* lý luận của chính mình và suy luận một cách đơn giản, không có những cái tinh vi duy tâm chủ nghĩa, tức là ông ta suy luận như một nhà duy vật.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 71.

2. CHỦ NGHĨA DUY TÂM VÀ PHƯƠNG PHÁP SIÊU HÌNH CẢN TRỞ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

a) Chủ nghĩa duy tâm là kẻ thù của khoa học. Nó luôn luôn lợi dụng những thành tựu và những khó khăn của khoa học tự nhiên vào mục đích phản động.

... Nhà duy tâm thẳng thắn và công khai Uađơ, nắm lấy những nhược điểm của chủ nghĩa duy vật «tự phát» của khoa học tự nhiên, chẳng hạn như sự bất lực của khoa học tự nhiên không thể giải thích nổi mối quan hệ giữa chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối. Uađơ múa may và tuyên bố rằng nếu chân lý chỉ là gần đúng, là tương đối và chỉ là «rờ rẫm» bản chất của sự vật thôi, thì chân lý không thể nào phản ánh được thực tại! Trái lại, vấn đề nguyên tử, v.v... «giả thiết công tác», đã được nhà duy linh này đặt ra một cách rất chính xác. Chủ nghĩa tín ngưỡng cận đại có văn hóa... thì *không muốn đòi hỏi gì hơn* là lời tuyên bố rằng khái niệm của khoa học tự nhiên là những «giả thiết công tác». Các ngài khoa học tự nhiên, chúng tôi xin nhường khoa học cho các ngài, các ngài hãy trả lại nhận thức luận, triết học

cho chúng tôi; đó là bản hợp đồng chung sống giữa những nhà thần học và các giáo sư trong các nước tư bản chủ nghĩa «tiền tiến».

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 390.

H. Còhen¹ cố gắng tranh thủ nhà vật lý học nổi tiếng Henrich Hécđơ làm đồng minh. Còhen nói: Hécđơ là người của chúng ta, ông thuộc phái Cantơ, ông thừa nhận những điều tiên thiên đấy! Colinpete, đồ đệ Makhor, thì cãi lại: Hécđơ là người của chúng ta, ông theo Makhor đấy! Vì ta thấy Hécđơ cũng có «một quan niệm chủ quan chủ nghĩa về bản chất những khái niệm của ta, giống như quan niệm của Makhor». Cuộc tranh cãi lý thú về việc Hécđơ *đứng về phía ai*, là một thí dụ rất hay, tỏ rõ rằng các nhà triết học duy tâm đã nắm lấy như thế nào sự sai lầm nhỏ nhất và cái chỗ diễn đạt hàm hồ nhỏ nhất của các nhà khoa học tự nhiên trứ danh để chứng minh sự bênh vực có sửa lại đôi chút của họ đối với chủ nghĩa tín ngưỡng.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 394-395.

Đối với Còhen, cũng như đối với các nhà khoa học tự nhiên «ảo tưởng» mà Đítxơghen đã vạch mặt năm 1869, «vật chất chuyển hóa thành lực» ở đây là một thắng lợi chủ yếu của chủ nghĩa duy tâm. Điện trở thành một trợ thủ cho chủ nghĩa duy tâm, bởi vì nó đã phá vỡ lý luận cũ về sự cấu tạo vật chất, đã phân giải nguyên tử, đã phát hiện ra những hình thức

1. Hécman Còhen — nhà duy tâm thuộc phái Cantơ. (Người soạn)

Khoa học tự nhiên khẳng định rằng quả đất có trước con người, lời khẳng định đó là một chân lý khách quan. Và khẳng định đó của khoa học tự nhiên không thể dung hòa được với triết học của các môn đồ Makhơ và với lý luận của họ về chân lý.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 158.

Nói một cách khác : mọi người đều « quen » đứng trên quan điểm chủ nghĩa duy vật, quen coi cảm giác là kết quả sự tác động của vật thể, của vật, của giới tự nhiên vào giác quan của chúng ta. « Thói quen » ấy (đã được toàn thể nhân loại và các khoa học tự nhiên thừa nhận rồi!), nó tai hại cho các nhà triết học duy tâm, cho nên Makhơ rất không hài lòng, thế là ông ta ra tay tiêu diệt nó...

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 39.

Ôxvănđơ đã toan dùng danh từ « năng lượng » một cách không xác định để lần tránh cái trường hợp không thể tránh được đó là giữa hai đường lối trong triết học phải chọn lấy một (chủ nghĩa duy vật hay chủ nghĩa duy tâm) nhưng mưu toan của ông chính lại chứng minh thêm một lần nữa rằng những mưu chước kiểu đó là vô dụng.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 376.

Mọi người đều biết — và các nhà khoa học tự nhiên cũng đang nghiên cứu — thế nào là quan niệm, tinh thần, ý chí, cái tâm lý, tức là cơ năng của bộ óc con người hoạt động một cách bình thường ; tách rời cơ năng ấy khỏi cái chất đã được tổ chức theo một cách thức nhất định, biến cơ năng đó thành một khái niệm trừu tượng phổ thông và phổ biến, lấy cái khái niệm trừu tượng đó mà « thay thế » tất cả giới tự nhiên vật lý, đó là ảo tưởng của chủ nghĩa duy tâm triết học và đó cũng là một sự nhạo báng đối với khoa học tự nhiên.

V. I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội 1960, tr. 316 — 317.

Ông Xtoruvê đã lặp lại phương pháp của các nhà triết học phản động gần đây nhất — những người đã coi chủ nghĩa duy vật của khoa học tự nhiên nói chung là « thuyết siêu hình » và coi bước tiến của họ tới tôn giáo là « chủ nghĩa kinh nghiệm ». Sự loại trừ các quy luật khỏi khoa học trên thực tế chính là sự lên lút đưa các quy luật của tôn giáo vào khoa học.

V.I. Lênin, *Lại một sự thủ tiêu chủ nghĩa xã hội. Toàn tập, tiếng Nga*, xuất bản lần 4, t. 20, tr. 182.

b) Phương pháp tư duy siêu hình và chủ nghĩa kinh nghiệm cản trở sự phát triển của khoa học tự nhiên!

... Chủ nghĩa siêu hình chiết trung thông thường đã làm cho khoa học tự nhiên bị chặn đứng lại một cách tuyệt vọng trong những yêu cầu về lý luận của nó.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 81.

... Quan niệm về tự nhiên của chủ nghĩa duy vật Pháp không thể phù hợp được với phép biện chứng và khoa học tự nhiên cận đại.

F. Engen, *Chống Duyrinh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 44.

Trước Đácuy-n chính những ngài ngày nay ở đâu cũng chỉ thấy *đấu tranh* để sinh tồn (Phôgôto, Buykhone, Môlesốt v.v.), đã nhấn mạnh vào *sự cộng tác* trong giới tự nhiên hữu cơ, vào lý thuyết cho rằng thể giới thực vật cung cấp đường khí và thức ăn cho thể giới động vật, còn thể giới động vật thì, trái lại, cung cấp axit cacbôníc và phân bón cho thực vật, như Lăbíchơ đã đặc biệt nhấn mạnh. Cả hai quan niệm ấy, trong một chừng mực nào đó là đúng, nhưng cả hai quan niệm này đều là một chiều và bị hạn chế như nhau. Sự tác động lẫn nhau giữa các vật thể — của giới tự nhiên chết cũng như của giới tự nhiên sống — bao hàm trong nó cả sự hài hòa lẫn sự xung đột, cả sự đấu tranh lẫn sự cộng tác. Vì vậy nếu nhà khoa học tự nhiên nào đó cho phép mình quy mọi sự phong phú và tính muôn vẻ của sự phát triển lịch sử thành tính một chiều và công thức khô khan là « đấu tranh để sinh tồn », thành công thức mà ngay trong lĩnh vực giới tự nhiên cũng chỉ có thể thừa nhận được một cách rất có điều kiện thì phương pháp như thế tự nó mang theo nó sự buộc tội đối với bản thân nó.

Thư Engen gửi P. L. Lăvô-rốp ngày 12 — 17 tháng Một năm 1875.
C. Mác và F. Engen, *Thư từ chọn lọc*, tiếng Nga, M., 1953, tr. 305.

... Thực tiễn đã giải quyết vấn đề quan hệ giữa vận động cơ giới và nhiệt theo cách của mình. Trước hết, nó chuyển

cái thứ nhất thành cái thứ hai, rồi sau đó từ cái thứ hai thành cái thứ nhất. Nhưng tình hình về mặt lý luận thì như thế nào?

Tình hình hơi đáng buồn...

Sau cùng, trong những năm từ 20 đến 30 (thế kỷ XIX), Xăđi Căc-nô mới nghiên cứu vấn đề ấy, và ông ta đã nghiên cứu một cách rất khéo léo đến nỗi các sự tính toán tốt nhất của ông, sau này được Clapêrông trình bày bằng các đồ biểu hình học, tới nay vẫn còn giá trị và được Clăđiuxơ và Clec Măcxuen công nhận. Căc-nô đã gần đạt tới thực chất của vấn đề. Song, điều đã cản trở ông không hoàn toàn giải quyết được vấn đề, sự thực không phải vì thiếu tài liệu mà chỉ là vì... *một lý thuyết sai lầm* đã định sẵn. Nói cho đúng, đó không phải là một lý thuyết sai lầm do một nhà triết học lấu lỉnh nào đã quàng vào cổ các nhà vật lý học, mà là một lý thuyết mà bản thân họ đã xây dựng một cách tế nhị bằng cái phương pháp tư tưởng tự nhiên chủ nghĩa của chính họ mà, theo lời họ, thì tựa hồ ưu việt hơn cái quan niệm siêu hình của triết học.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 181—182.

Nếu ông chưa nghiên cứu một kết cấu xã hội riêng biệt nào cả, nếu thậm chí ông cũng không biết xác định khái niệm đó, cũng không biết nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh những sự kiện, phân tích một cách khách quan những quan hệ xã hội, dù những quan hệ này là những quan hệ nào đi nữa, thì ông lấy ở đâu ra cái khái niệm về xã hội và về tiến bộ nói chung? Đó là điểm rõ ràng nhất của siêu hình học mà mọi khoa học đều bắt đầu từ đó: chừng nào mà người ta chưa có khả năng đề cập đến việc nghiên cứu những sự kiện, thì người ta luôn luôn tạo ra *a priori*¹ những lý luận chung thường thường

1. Chữ Latinh trong nguyên bản, có nghĩa là *tiền nghiệm*. (N.D.)

không mang lại kết quả nào cả. Nhà hóa học siêu hình mà chưa thể phân tích được một cách cụ thể những quá trình hóa học thì tạo ra một lý luận về cái lực mà người ta gọi là ái lực hóa học. Nhà sinh vật học - siêu hình thì nói đến thể nào là đời sống và sức sống. Nhà tâm lý học siêu hình thì bàn luận về linh hồn là gì. Ở đó, ngay phương pháp cũng đã vô lý rồi. Người ta không thể nào bàn luận về linh hồn mà không giải thích đặc biệt về những quá trình tâm lý : ở đây sự tiến bộ chính phải là ở chỗ vứt bỏ những lý luận chung và những nghị luận triết học về linh hồn của con người, và phải là ở chỗ biết đặt việc nghiên cứu những sự kiện biểu lộ đặc điểm của những quá trình tâm lý, trên một cơ sở khoa học.

V.I. Lênin, *Những người « bạn dân » là thể nào và họ đấu tranh chống những người xã hội-dân chủ ra sao ?*. Toàn tập, t. 1, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1961, tr. 186 — 187,

Trong khoa học tự nhiên, do sự phát triển của bản thân nó, quan điểm siêu hình không thể tồn tại được nữa.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*. C. Mác và F. Engen, *Toàn tập*, tiếng Nga, tập 20, tr. 343.

c) Chủ nghĩa duy tâm, chủ nghĩa kinh nghiệm và phương pháp tư duy siêu hình không tránh khỏi đẩy khoa học tự nhiên vào khủng hoảng.

Cho đến cuối thế kỷ trước..., những nhà bác học vẫn ít nhiều xoay xở được nhờ vào khoa siêu hình cũ vì rằng khoa học thực sự chưa vượt ra khỏi giới hạn của cơ học...

Nhưng bây giờ, mọi cái đã đổi khác. Hóa học, tính có thể phân chia trừu tượng của cái vật lý, cái vô cực xấu — thuyết nguyên tử. Sinh lý học, — tế bào (quá trình phát triển hữu

cơ của một cá thể riêng lẻ cũng như của các loài giống bằng con đường phân hóa là chứng có hiển nhiên nhất của phép biện chứng hợp lý) và cuối cùng, sự đồng nhất giữa những lực của tự nhiên và sự chuyển hóa lẫn nhau giữa chúng đã chấm dứt tính cố định của các phạm trù. Thế nhưng, số đông những nhà khoa học tự nhiên hãy còn bị sa lầy trong những phạm trù siêu hình cũ, và tỏ ra bất lực khi phải giải thích cho hợp lý, khi phải liên hệ lại với nhau những sự kiện tối tân ấy, mà những sự kiện tối tân này có thể nói là đã xác nhận phép biện chứng trong tự nhiên.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 319 — 320.

Người ta khó có thể cầm lấy một quyển sách lý luận về khoa học tự nhiên mà lại không cảm thấy rằng chính bản thân các nhà khoa học tự nhiên cũng tự thấy họ bị tình trạng rời rạc và hỗn độn ấy đè nặng tới mức nào, và cái gọi là triết học thông dụng hiện thời tuyệt đối không giúp cho họ một lối thoát như thế nào.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 78.

... Ở đây người ta đã thấy hai năm rõ mười con đường chắc chắn nhất từ khoa học tự nhiên tới chủ nghĩa thần bí. Đó không phải là sự phát triển dồn dập về lý luận của triết học tự nhiên mà là chủ nghĩa kinh nghiệm nông cạn nhất, khinh thường cả mọi thứ lý luận, bất chấp cả mọi thứ tư duy.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1963, tr. 100.

d) Cuộc khủng hoảng của vật lý học hồi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là cuộc khủng hoảng điển hình của khoa học tự nhiên cận đại. Thực chất, nguyên nhân và con đường thoát khỏi cuộc khủng hoảng ấy cũng như thoát khỏi các cuộc khủng hoảng của khoa học tự nhiên nói chung.

— **Cuộc khủng hoảng của vật lý học cận đại và sự xuất hiện chủ nghĩa duy tâm « vật lý học ».**

Trong quyển *Giá trị của khoa học*, nhà vật lý học Pháp nổi tiếng Hăngri Poincaré nói rằng vật lý học « có những triệu chứng của một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng », và đã dành cả một chương sách (ch. VIII, xem tr. 171) để viết về cuộc khủng hoảng ấy. Cuộc khủng hoảng ấy không phải chỉ có nghĩa là « chất radium, nhà cách mạng vĩ đại ấy », đã lật đổ nguyên lý bảo tồn năng lượng. « Tất cả các nguyên lý khác cũng đều lâm nguy cả » (tr. 180). Ví dụ như nguyên lý Lavoasie, tức là nguyên lý bảo tồn khối lượng, cũng bị thuyết điện tử về vật chất đánh đổ.

... Chúng ta, Poincaré nói, đang đứng trước biết bao nhiêu sự « sụp đổ » của những nguyên lý vật lý cũ, trước « sự phá sản chung đó của các nguyên lý ». Ông bổ sung thêm : đúng là tất cả những ngoại lệ ấy của các nguyên lý đều liên quan đến những lượng vô cùng nhỏ ; có thể là chúng ta vẫn còn chưa biết được những lượng vô cùng nhỏ khác ngăn trở một sự đảo lộn như thế của các quy luật cũ ; và hơn nữa, chất radium lại rất hiếm. Song, vô luận thế nào, « thời kỳ hoài nghi » đã đến rồi, không thể chối cãi được. Chúng ta đã thấy rằng từ « thời kỳ hoài nghi » đó, tác giả đã rút ra những kết luận gì về mặt nhận thức luận : « Không phải là tự nhiên đem lại cho chúng ta (hay ép buộc chúng ta phải nhận) những quan niệm về không gian và thời gian, mà chính là chúng ta đem lại những quan niệm ấy cho tự nhiên » ; « phạm cái gì không phải là tư tưởng đều

là hư vô thuần túy ». Đó là những kết luận duy tâm. Sự đảo lộn những nguyên lý cơ bản chứng minh rằng (đây là quá trình tư tưởng của ông Poincaré) những nguyên lý ấy không phải là những bản sao lại, chép lại tự nhiên, không phải là những sự mô tả các sự vật ở bên ngoài ý thức con người, mà là những sản vật của ý thức ấy.

V. I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 350, 351 — 352.

Tư tưởng cơ bản của phái vật lý học mới là sự phủ nhận thực tại khách quan mà chúng ta cảm biết được và do lý luận của chúng ta phản ánh, hay là sự hoài nghi đối với sự tồn tại của thực tại ấy. Về điểm này, phái ấy đã xa rời *chủ nghĩa duy vật* (mà người ta gọi một cách không đúng là thuyết thực tại, là thuyết cơ giới mới, là thuyết vật chất vận động, mà ngay những nhà vật lý học cũng không phát triển một cách ít nhiều tự giác) mà *mọi người đều công nhận* là đang chiếm địa vị thống trị trong các nhà vật lý học ; phái đó tách ra khỏi chủ nghĩa duy vật, thành phái chủ nghĩa duy tâm « vật lý học ».

V. I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 422.

Chủ nghĩa duy tâm « vật lý học », tức là chủ nghĩa duy tâm của một phái những nhà vật lý học nào đó cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, đã không « bác bỏ » được chủ nghĩa duy vật, mà cũng không chứng minh nổi mối liên hệ giữa chủ nghĩa duy tâm (hay chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán) với khoa học tự nhiên, cũng y như F. A. Langhe và các nhà duy tâm « sinh lý học » trước kia đã từng cố cái mạnh tâm làm như

nữa. Những yếu tố, coilà tài liệu thực tại, khách quan, tức coi là yếu tố *vật lý*, thì hoàn toàn biến đi mất. Còn lại chỉ là những liên hệ hình thức biểu thị bằng những phương trình vi phân... Nếu nhà toán học không bị công việc có tính chất xây dựng của mình lừa dối trí óc mình..., thì ông ta mới thấy được mối liên hệ của vật lý học lý thuyết với kinh nghiệm, nhưng thoát nhìn, và đối với một người không có những tri thức cơ bản mà nói, thì hiển nhiên người ta cảm thấy đó là một lý luận tùy tiện, tạo nên... Khái niệm, khái niệm thuần túy đã thay thế cho yếu tố thực tại... » (lời của A. Rây — *Người soạn*).

Đó là nguyên nhân thứ nhất sinh ra chủ nghĩa duy tâm « vật lý học ». Những ý hướng phản động sinh ra ngay từ bản thân sự tiến bộ của khoa học. Những tiến bộ lớn của khoa học tự nhiên, sự phát hiện ra những yếu tố đồng loại và đơn thuần của vật chất có những quy luật vận động có thể diễn giải được bằng toán học, đều làm cho những nhà toán học quên mất vật chất. « Vật chất biến mất », chỉ những phương trình là còn lại.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 427 — 428.

Một nguyên nhân khác sinh ra chủ nghĩa duy tâm « vật lý học » là nguyên lý của *chủ nghĩa tương đối*, tức là nguyên lý về tính tương đối của tri thức của chúng ta. Trong thời kỳ các lý luận cũ sụp đổ đột ngột này, nguyên lý ấy có một sức mạnh đặc biệt bắt buộc các nhà vật lý học phải tuân theo ; và *do tình trạng không hiểu phép biện chứng*, nên nguyên lý đó còn dẫn đến chủ nghĩa duy tâm một cách không thể tránh được.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 429.

... Vấn đề quan hệ giữa chủ nghĩa tương đối và phép biện chứng có lẽ là vấn đề quan trọng nhất.

Thực ra, chỉ có phép biện chứng duy vật của Mác và Engen mới giải quyết được vấn đề chủ nghĩa tương đối bằng một lý luận đúng, và người nào không hiểu phép biện chứng duy vật thì *nhất định* sẽ đi từ chủ nghĩa tương đối sang chủ nghĩa duy tâm triết học.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 429 — 430.

Vì không hiểu phép biện chứng, nên ông¹ thường thường thông qua chủ nghĩa tương đối mà rơi vào chủ nghĩa chủ quan và chủ nghĩa duy tâm.

Duyhem² cũng vậy... Vì không thể đem lại cho chủ nghĩa tương đối một định nghĩa chính xác, nên họ sa vào chủ nghĩa duy tâm.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 432.

Vật lý học mới số dĩ đi trệch sang phía chủ nghĩa duy tâm, chủ yếu là vì các nhà vật lý học không hiểu được phép biện chứng. Họ đã công kích luôn cả chủ nghĩa duy vật siêu hình (hiểu theo nghĩa mà Engen dùng, chứ không phải theo nghĩa

1. Xtanlô (Stallo, John Bernard — 1823—1900), giáo sư toán học và vật lý học ở Niucóc, một nhà kinh nghiệm phê phán.

2. Duyhem (Duhem, Pierre — 1861—1916), nhà vật lý học người Pháp.

lý luận, tức là theo nghĩa của Hium) cùng với « tính
phiên diện của nó, và đã hắt luôn cả đứa trẻ cùng với
tóc đã dùng để tắm cho nó. Trong khi phủ nhận tính
ồn của những đặc tính và nguyên tố của vật chất mà
đến nay ai ai cũng biết, họ đã đi đến chỗ phủ nhận vật chất,
nghe là phủ nhận tính thực tại khách quan của thế giới vật lý.
Trong khi phủ nhận tính tuyệt đối của những quy luật
cơ bản quan trọng nhất, họ đã đi đến chỗ phủ nhận bất cứ
quy luật khách quan nào trong tự nhiên; họ tuyên bố rằng
quy luật tự nhiên chỉ là những quy ước, là « hạn chế sự chờ
đợi », là « tính tất nhiên lôgích » v. v. Trong khi kiên quyết
nói về tính chất gần đúng và tương đối của những tri thức
của chúng ta, họ đã đi đến chỗ phủ nhận khách thể độc lập
của nhận thức, khách thể được nhận thức phản ánh lại một
cách gần đúng và tương đối đúng.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật
và chủ nghĩa kinh nghiệm phê
phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-
nội, 1960, tr. 363-364.

— Con đường thoát khỏi khủng hoảng.

Phương thần duy vật cơ bản của vật lý học, cũng như của
tất cả các khoa học tự nhiên hiện đại, sẽ chiến thắng được
tất cả mọi thứ khủng hoảng, nhưng với điều kiện tất yếu là
chủ nghĩa duy vật biện chứng phải thay cho chủ nghĩa duy
vật siêu hình.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật
và chủ nghĩa kinh nghiệm phê
phán*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-
nội, 1960, tr. 425.

3. PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT LÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN DUY NHẤT ĐÚNG ĐẮN CỦA KHOA HỌC TỰ NHIÊN HIỆN ĐẠI

a) Thực chất, nội dung và những yêu cầu cơ bản của phép biện chứng duy vật.

— Phép biện chứng là lý luận về sự tiến hóa hoàn bị nhất,
sâu sắc nhất, ít phiên diện nhất. Đó là khoa học về những
mối liên hệ trong sự đối lập với phép siêu hình, là khoa học
về những quy luật phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội
và tư duy.

Phép biện chứng, tức là lý luận về sự tiến hóa, dưới hình
thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiên diện nhất,
tức là lý luận về tính tương đối của nhận thức của con người,
khiến cho ta có được hình ảnh của vật chất luôn luôn phát
triển.

V.I. Lênin, *Tuyển tập*, Nhà xuất
bản Sự thật, Hà-nội, 1958, q.I,
phần thứ nhất, tr. 62.

Phép biện chứng gọi là *khách quan* bao trùm toàn bộ giới
tự nhiên, còn phép biện chứng gọi là *chủ quan*, tư duy biện
chứng, chỉ là cái phản ánh của sự vận động đang thống trị
trong toàn bộ giới tự nhiên,...

F. Engen, *Phép biện chứng của
tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật,
Hà-nội, 1963, tr. 333.

... Phép biện chứng ở trong đầu óc người ta chỉ là sự phản
ánh những hình thức vận động của thế giới hiện thực, cả tự
nhiên lẫn lịch sử.

F. Engen, *Phép biện chứng của
tự nhiên*, Nhà xuất bản Sự thật,
Hà-nội, 1963, tr. 319.

... Phép biện chứng với tính cách là khoa học về những mối liên hệ, đối lập với phép siêu hình.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*. C. Mác và F. Engen, *Toàn tập*. tiếng Nga, t. 20, tr. 384.

... Phép biện chứng chẳng qua chỉ là môn khoa học nghiên cứu những quy luật phổ biến của sự vận động và sự phát triển của tự nhiên, của xã hội loài người và của tư duy.

F. Engen, *Chống Duygrinh*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 238.

— Phép biện chứng duy vật đòi hỏi phải xuất phát từ sự vật khách quan, phải có quan điểm toàn diện, quan điểm phát triển, quan điểm thực tiễn và quan điểm lịch sử cụ thể.

Ngày nay, quan niệm về sự phát triển, về sự tiến hóa hầu như đã hoàn toàn thâm nhập vào ý thức xã hội, nhưng bằng một con đường khác, chứ không phải bằng triết học của Hê-gen. Tuy nhiên quan niệm đó, quan niệm mà Mác và Engen đã dựa vào Hê-gen đề nêu lên, có một nội dung rộng hơn và phong phú hơn nhiều so với quan niệm thông thường về tiến hóa. Một sự phát triển hình như diễn lại những giai đoạn đã qua, nhưng dưới một hình thức khác, ở một trình độ cao hơn («phủ định của phủ định»); một sự phát triển có thể nói là theo đường tròn ốc chứ không theo đường thẳng; một sự phát triển bằng những bước nhảy vọt, bằng những đột biến, bằng những cuộc cách mạng, «bằng những bước gián đoạn của quá trình tiệm tiến»; sự biến đổi lượng thành chất; những động lực nội tại thúc đẩy phát triển, gây ra bởi mâu thuẫn, xung đột giữa những lực lượng và giữa những xu thế khác nhau đang tác động vào một vật thể nhất định hoặc trong phạm vi một hiện tượng nhất định, hoặc trong nội bộ một xã hội nhất định; sự phụ thuộc lẫn nhau và mối liên hệ

chặt chẽ, mật thiết giữa tất cả các mặt của từng hiện tượng (và lịch sử luôn luôn làm lộ ra những mặt mới), mối liên hệ này quy định quá trình vận động có tính chất thế giới, quá trình duy nhất và có quy luật; đó là một số đặc điểm của phép biện chứng, tức là của một học thuyết có nội dung phong phú hơn (so với học thuyết thông thường) về sự phát triển.

V.I. Lênin, *Các Mác. Toàn tập*. tiếng Nga, xuất bản lần 4, t. 21, tr. 38.

Ba kết luận quan trọng về nhận thức luận:

1. Có những vật tồn tại mà không lệ thuộc vào ý thức ta, không lệ thuộc vào cảm giác ta, ở ngoài chúng ta,...

2. Không có và không thể có sự khác nhau nào về nguyên tắc giữa hiện tượng và vật tự nó cả. Chỉ có sự khác nhau giữa cái ta đã biết được và cái ta chưa biết được mà thôi...

3. Trong lý luận về nhận thức, cũng như trong những lĩnh vực khác của khoa học, cần suy luận một cách biện chứng, nghĩa là đừng giả định rằng ý thức chúng ta là bất di bất dịch và có sẵn rồi, mà phải phân tích xem *sự hiểu biết* sinh ra từ *sự không hiểu biết* như thế nào, nhận thức không đầy đủ và không rõ ràng trở thành đầy đủ và rõ ràng như thế nào.

.....

Kết luận duy nhất mà mọi người nhất định phải rút ra trong đời sống thực tiễn, kết luận mà chủ nghĩa duy vật lấy làm cơ sở cho nhận thức luận của mình một cách tự giác, là: có những đối tượng, vật, vật thể tồn tại ở ngoài chúng ta, không lệ thuộc vào chúng ta; và các cảm giác của chúng ta đều là những hình ảnh của thế giới bên ngoài.

V.I. Lênin, *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1960, tr. 127, 128, 129.

... Trong bất cứ lĩnh vực khoa học nào, — trong tự nhiên cũng như trong lịch sử, — chúng ta phải xuất phát từ những *sự kiện* đã có, vậy thì trong khoa học tự nhiên phải xuất phát từ những hình thái hiện thực khác nhau và những hình thái vận động khác nhau của vật chất ; vì thế cho nên trong khoa học lý luận về tự nhiên chúng ta không phải tạo ra những mối liên hệ gán ghép nó vào sự kiện, mà phải từ các sự kiện đó phát hiện ra các mối liên hệ đó và, một khi đã tìm ra rồi, phải hết sức chứng minh những quan hệ đó bằng kinh nghiệm.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, C. Mác và F. Engen, *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 20, tr. 370 — 371.

Lôgic hình thức... đưa ra những định nghĩa hình thức, căn cứ vào cái phổ thông nhất hoặc những cái thường gặp vào mắt nhất, và ngừng lại ở đó. Nếu trong tình hình ấy, ta lấy hai hoặc nhiều định nghĩa khác nhau và xếp chúng lại với nhau một cách hoàn toàn ngẫu nhiên..., thì chúng ta sẽ rút ra được một định nghĩa chiết trung chỉ phản ánh được những mặt khác nhau của sự vật.

Lôgic biện chứng đòi hỏi chúng ta phải đi xa hơn nữa. Muốn thực sự hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các sự liên hệ và « sự trung gian » của sự vật đó. Chúng ta không thể làm được điều đó một cách hoàn toàn đầy đủ, nhưng sự cần thiết phải xét tất cả mọi mặt sẽ đề phòng cho chúng ta khỏi phạm phải sai lầm và sự cứng nhắc. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai là : lôgic biện chứng đòi hỏi phải xét sự vật trong sự phát triển, trong sự « tự vận động » (như Hêgen có lúc đã nói), trong sự biến đổi của nó. Điểm thứ ba là : toàn bộ thực tiễn của con người, — thực tiễn này vừa với tính cách là tiêu chuẩn của chân lý, vừa với tính cách là kẻ xác định một cách thực tế *sự liên hệ* giữa sự vật với những điều cần thiết đối với con người, — cần phải được bao hàm trong « định nghĩa » đầy đủ của sự

vật. Điểm thứ tư là : lôgic biện chứng dạy rằng « không có chân lý trừu tượng », rằng « chân lý luôn luôn là cụ thể », như Plêkhanốp hồi còn sống thường thích nói như vậy theo cách nói của Hêgen.

V. I. Lênin, *Lại bàn về công đoàn về tình hình trước mắt và về những sai lầm của Torótxki và Bukharin*, *Toàn tập*, t. 32, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 115 — 116.

Phép biện chứng đòi hỏi người ta phải chú ý đến tất cả các mặt của những mối quan hệ trong sự phát triển cụ thể của những mối quan hệ đó, chứ không phải là lấy một mâu ở chỗ này, một mẫu ở chỗ kia.

V. I. Lênin, *Lại bàn về công đoàn về tình hình trước mắt và về những sai lầm của Torótxki và Bukharin*, *Toàn tập*, t. 32, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 111 — 112.

Tất cả tinh thần của chủ nghĩa Mác, toàn bộ hệ thống của nó đòi hỏi phải xem xét mỗi luận điểm α) một cách lịch sử ; β) trong mối liên hệ với các cái khác ; γ) trong mối liên hệ với kinh nghiệm cụ thể của lịch sử.

V. I. Lênin, *Thư gửi I. F. Aromandơ ngày 30-11-1916*, *Toàn tập*, t. 49, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, tr. 329.

Phép biện chứng đòi hỏi phải nghiên cứu toàn diện mỗi hiện tượng xã hội, trong quá trình phát triển của hiện tượng

... Trong bất cứ lĩnh vực khoa học nào, — trong tự nhiên cũng như trong lịch sử, — chúng ta phải xuất phát từ những *sự kiện* đã có, vậy thì trong khoa học tự nhiên phải xuất phát từ những hình thái hiện thực khác nhau và những hình thái vận động khác nhau của vật chất ; vì thế cho nên trong khoa học lý luận về tự nhiên chúng ta không phải tạo ra những mối liên hệ gán ghép nó vào sự kiện, mà phải từ các sự kiện đó phát hiện ra các mối liên hệ đó và, một khi đã tìm ra rồi, phải hết sức chứng minh những quan hệ đó bằng kinh nghiệm.

F. Engen, *Phép biện chứng của tự nhiên*, C. Mác và F. Engen, *Toàn tập*, tiếng Nga, t. 20, tr. 370 — 371.

Lôgic hình thức... đưa ra những định nghĩa hình thức, căn cứ vào cái phổ thông nhất hoặc những cái thường đập vào mắt nhất, và ngừng lại ở đó. Nếu trong tình hình ấy, ta lấy hai hoặc nhiều định nghĩa khác nhau và xếp chúng lại với nhau một cách hoàn toàn ngẫu nhiên.., thì chúng ta sẽ rút ra được một định nghĩa chiết trung chỉ phản ánh được những mặt khác nhau của sự vật.

Lôgic biện chứng đòi hỏi chúng ta phải đi xa hơn nữa. Muốn thực sự hiểu được sự vật, cần phải nhìn bao quát và nghiên cứu tất cả các mặt, tất cả các sự liên hệ và « sự trung gian » của sự vật đó. Chúng ta không thể làm được điều đó một cách hoàn toàn đầy đủ, nhưng sự cần thiết phải xét tất cả mọi mặt sẽ đề phòng cho chúng ta khỏi phạm phải sai lầm và sự cứng nhắc. Đó là điểm thứ nhất. Điểm thứ hai là : lôgic biện chứng đòi hỏi phải xét sự vật trong sự phát triển, trong sự « tự vận động » (như Hêgen có lúc đã nói), trong sự biến đổi của nó. Điểm thứ ba là : toàn bộ thực tiễn của con người, — thực tiễn này vừa với tính cách là tiêu chuẩn của chân lý, vừa với tính cách là kẻ xác định một cách thực tế *sự liên hệ* giữa sự vật với những điều cần thiết đối với con người, — cần phải được bao hàm trong « định nghĩa » đầy đủ của sự

vật. Điểm thứ tư là : lôgic biện chứng dạy rằng « không có chân lý trừu tượng », rằng « chân lý luôn luôn là cụ thể », như Plêkhanốp hồi còn sống thường thích nói như vậy theo cách nói của Hêgen.

V. I. Lênin, *Lại bàn về công đoàn, về tình hình trước mắt và về những sai lầm của Torótxki và Bukharin*, *Toàn tập*, t.32, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 115 — 116.

Phép biện chứng đòi hỏi người ta phải chú ý đến tất cả các mặt của những mối quan hệ trong sự phát triển cụ thể của những mối quan hệ đó, chứ không phải là lấy một mẫu ở chỗ này, một mẫu ở chỗ kia.

V. I. Lênin, *Lại bàn về công đoàn, về tình hình trước mắt và về những sai lầm của Torótxki và Bukharin*, *Toàn tập*, t.32, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, 1970, tr. 111 — 112.

Tất cả tinh thần của chủ nghĩa Mác, toàn bộ hệ thống của nó đòi hỏi phải xem xét mỗi luận điểm α) một cách lịch sử ; β) trong mối liên hệ với các cái khác ; γ) trong mối liên hệ với kinh nghiệm cụ thể của lịch sử.

V. I. Lênin, *Thư gửi I. F. Aro-ma-đơ ngày 30-11-1916*, *Toàn tập*, t. 49, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, tr. 329.

Phép biện chứng đòi hỏi phải nghiên cứu toàn diện mỗi hiện tượng xã hội, trong quá trình phát triển của hiện tượng